|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: 1927/QĐ-HĐTĐNN | *Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2023* |

**QUYẾT ĐỊNH**

V/V PHÊ DUYỆT KẾ HOẠCH THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐỀ XUẤT ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030

**HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH NHÀ NƯỚC**

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội Khóa XIV về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;*

*Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Căn cứ Quyết định số 1202/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giám sát và Thẩm định đầu tư và ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định nhà nước.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thẩm định của Hội đồng thẩm định nhà nước về Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.

**Điều 2.** Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Thành viên Hội đồng có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch thẩm định theo thời gian quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Thành viên Hội đồng thẩm định nhà nước Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 4; - VPCP (để b/c TTgCP, Phó TTg Trần Lưu Quang); - VPQH (để phối hợp); - Các Bộ có thành viên tham gia Hội đồng; - Bộ KHĐT: các vụ: THKTQD, KTNN, TCTT, KHGDTNMT, QPAN, LĐVHXH, KTĐPLT, PTHTĐT, KTĐN; - Lưu: VT, GSTĐĐT (V22) | **TM. HỘI ĐỒNG CHỦ TỊCH     BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ Nguyễn Chí Dũng** |

**KẾ HOẠCH THẨM ĐỊNH***(Ban hành kèm theo Quyết định số 1927/QĐ-HĐTĐNN ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước)*

**I. NHIỆM VỤ VÀ NỘI DUNG THẨM ĐỊNH**

**1. Nhiệm vụ thẩm định**

Tổ chức thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư (Báo cáo ĐXĐCCTĐT) Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (sau đây viết tắt là Chương trình) để báo cáo Chính phủ xem xét, trình Quốc hội quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

**2. Cơ sở pháp lý tổ chức thẩm định**

Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội Khóa XIV về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội;

Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

**3. Nội dung thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình**

Khoản 2 Điều 34 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định: trình tự, thủ tục quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại các điều 19, 20, 21 của Luật này.

Khoản 3 Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công (Nghị định số 40/2020/NĐ-CP) quy định:

*Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án bao gồm:*

*a) Tờ trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án, trong đó làm rõ các nội dung: Lý do điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án; các nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án tương ứng với các nội dung chủ yếu của báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư quy định tại các* *Điều 29, 30, 31 của Luật Đầu tư công;*

*b) Hồ sơ kèm theo Tờ trình gồm: quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án; quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án trước đó (nếu có); tài liệu theo quy định tại điểm, b khoản 1 Điều 9 của Nghị định này có bổ sung nội dung điều chỉnh chủ trương đầu tư;*

*c) Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình, dự án;*

*d) Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).*

Luật Đầu tư công và Nghị định số 40/2020/NĐ-CP không quy định cụ thể về nội dung thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia.

Do đó, căn cứ các nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình theo Tờ trình số 1770/TTr-UBDT ngày 03/10/2023 của Ủy ban Dân tộc và Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình kèm theo Tờ trình nêu trên, Hội đồng thẩm định nhà nước sẽ thẩm định các nội dung như sau:

1. Hồ sơ trình thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình.

2. Căn cứ pháp lý, sự cần thiết phải điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình.

3. Thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình.

4. Các nội dung đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư:

(1) Phạm vi thực hiện Chương trình.

(2) Đối tượng thực hiện Chương trình.

(3) Kinh phí thực hiện Chương trình.

(4) Các nội dung đề xuất điều chính khác (nếu có).

**II. THỜI GIAN VÀ CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG**

Thời gian thẩm định Báo cáo đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình dự kiến trong thời gian không quá 60 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ (ngày 06/10/2023).

**III. ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cơ quan Thường trực của Hội đồng) sẽ bố trí địa điểm các phiên họp của Hội đồng thẩm định nhà nước./.

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TĐNN**

**Điều chỉnh CTĐT Chương trình MTQG Phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030**

1. Ông Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

2. Ông Trần Quốc Phương, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

3. Ông Y Vinh Tơr, Thứ trưởng, Phó chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc.

4. Bộ Tài chính

5. Bà Phan Thị Thắng, Thứ trưởng Bộ Công Thương

6. Ông Nguyễn Văn Sinh, Thứ trưởng Bộ Xây dựng

7. Ông Trần Quý Kiên, Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

8. Ông Trần Thanh Nam, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

9. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

10. Thượng tướng Vũ Hải Sản, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng

11. Thượng tướng Lương Tam Quang, Thứ trưởng Bộ Công an

12. Ông Nguyễn Duy Lâm, Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải

13. Ông Phạm Ngọc Thưởng, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

14. Ông Triệu Văn Cường, Thứ trưởng Bộ Nội vụ

15. Bà Trịnh Thị Thủy, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

16. Ông Đỗ Xuân Tuyên, Thứ trưởng Bộ Y tế

17. Ông Trần Tiến Dũng, Thứ trưởng Bộ Tư pháp

18. Ông Phạm Đức Long, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông

19. Ông Trần Hồng Thái, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

20. Bà Nguyễn Minh Hằng, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao

21. Ông Đào Minh Tú, Phó Thống đốc thường trực Ngân hàng Nhà nước Việt Nam